

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 29/8/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và cấp dưỡng nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quang Toại.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Hồng và ông Võ Thanh Tuấn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lân – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1999, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1991, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

Đều nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2020, bản tự khai ngày 22/6/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Th trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thanh Th và Anh Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/02/2018 tại UBND xã B, huyện S. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với lý do anh T ham chơi, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, đi chơi có khi không về nhà. Mặc dù, hai bên gia đình đã khuyên nhưng anh T không thay đổi. Nay chị xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể khắc phục, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn anh T để chị yên tâm làm ăn nuôi con.

*Về con chung:* Chị Th xác định, vợ chồng có 01 con chung là Lê Vũ Ng, sinh ngày 22/6/2018 đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung:* Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung.

*Về nghĩa vụ tài sản:* Chị Th xác định, vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản với người thứ ba.

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2020, bị đơn Anh Lê Văn T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh T công nhận ý kiến trình bày về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị Th trình bày trên là đúng. Anh thừa nhận có ăn chơi, không lo làm ăn, không phụ giúp gia đình nên chị Th bỏ về mẹ đẻ ở. Gia đình hai bên đã khuyên anh thay đổi nhưng anh không bỏ được. Nay chị Th yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

*Về con chung:* Anh T công nhận, vợ chồng có 01 con chung là Lê Vũ Ng, sinh ngày 22/6/2018 đang sống cùng chị Th. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Th nuôi và cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

*Về tài sản chung:* Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

*Về nghĩa vụ tài sản:* Anh T xác định vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản với người thứ ba.

Ngoài ra, anh T không trình bày gì thêm.

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về nội dung vụ án như sau:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Trần Thị Thanh Th được ly hôn Anh Lê Văn T.

*Về con chung:* Giao cháu Lê Vũ Ng, sinh ngày 22/6/2018 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng cho chị Th số tiền 2.000.000đồng.

*Về tài sản chung:* Chị Th và anh T xác định không có tài sản chung nên không giải quyết.

*Về nghĩa vụ tài sản:* Chị Th và anh T xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

*Về án phí dân sự:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn) và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015. Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thanh Th và Anh Lê Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa anh, chị xảy ra mâu thuẫn với lý do anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, gia đình hai bên đã khuyên anh nhưng anh không thay đổi được và anh T, chị Th đã không còn sống chung với nhau. Chị Th yêu cầu ly hôn, bản thân anh T cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế của anh, chị.

[3] *Về con chung:* Chị Th và anh T đều xác định, anh, chị có một con chung là Lê Vũ Ng, sinh ngày 22/6/2018 đang sống cùng chị Th. Xét thấy hiện nay cháu Ng dưới 36 tháng tuổi, chị Th yêu cầu nuôi con, anh T đồng ý giao con cho chị Th nuôi nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Th yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng và anh T đồng ý nên căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận mức cấp dưỡng chị Th yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng 2.000.000 đồng.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Th và anh T xác định không có tài sản chung nên không giải quyết.

[5] *Về nghĩa vụ tài sản*: Chị Th và anh T xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Th phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn) 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (về cấp dưỡng nuôi con chung) 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

Khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận chị Trần Thị Thanh Th được ly hôn Anh Lê Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lê Vũ Ng, sinh ngày 22/6/2018 cho chị Trần Thị Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Buộc Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Thanh Th nuôi con chung là Lê Vũ Ng, sinh ngày 22/6/2018, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 29/8/2020 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết chị Th, anh T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

*Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.*

4. *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị Thanh Th và Anh Lê Văn T xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

5. *Về nghĩa vụ tài sản*: Chị Trần Thị Thanh Th và Anh Lê Văn T xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

6. *Về án phí*:

6.1 *Án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch*: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Trần Thị Thanh Th phải nộp nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí chị đã 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000787 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6.2. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Buộc Anh Lê Văn T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

7. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Quang Toại**





